

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2024

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận và ông Trần Cao Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H; sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc chị Trương Thị H đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Công H1 vào ngày 11/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 về chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm đầu thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn sự đồng cảm, sẻ chia cùng nhau. Vì thương con nên chị H đã cố gắng

nhân nhện đến ngày hôm nay nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên cãi vã và sống không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng sống mỗi người một nơi: Chị H cùng hai con là cháu Nguyễn Thị Thảo N và cháu Nguyễn Minh K về nhà bố mẹ vợ sống tại thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh còn anh H1 cùng cháu Nguyễn Anh K1 vẫn ở nhà bố mẹ ở thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nhận thấy rằng cuộc hôn nhân của chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Công H1.

2. *Về con chung và cấp dưỡng:* Trong thời kỳ hôn nhân chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 có với nhau ba con chung gồm: Cháu thứ nhất là Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 02/5/2010; cháu thứ hai là Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày: 28/4/2013; cháu thứ ba là Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/4/2017. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày: 28/4/2013 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/4/2017 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn Công H1 phải cấp dưỡng nuôi con; Giao cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 02/5/2010 cho anh Nguyễn Công H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Trương Thị H phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Công H1 trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Công H1 và chị Trương Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị đe dọa, cưỡng ép. Về thực trạng hôn nhân của vợ chồng, sau 02 năm kết hôn anh H1 và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện tại mỗi người ở một nơi nhưng chưa đến mức trầm trọng và còn có thể hàn gắn được. Do đó, anh Nguyễn Công H1 không đồng ý ly hôn với chị Trương Thị H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng:* Hiện nay anh H1 đang sống với cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 02/5/2010. Nếu chị H nhất quyết đơn phương ly hôn thì anh H1 và chị H thống nhất: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày: 28/4/2013 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/04/2017 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi và anh Nguyễn Công H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H; Giao cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 02/5/2010 cho anh Nguyễn Công H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Nguyễn Công H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Công H1 dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hoà giải lần hai; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Công H1 đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:

* *Về tố tụng:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

* Việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công H1.

-Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày: 28/4/2013 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/4/2017 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Giao cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 02/5/2010 cho anh Nguyễn Công H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

-Về tài sản và khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xem xét.

-Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Trương Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đều đã trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị Trương Thị H có mặt, tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 27/12/2023 bị đơn anh Nguyễn Công H1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định thời gian, địa điểm xét xử vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 03/01/2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ. Ngày 03/01/2024, Tòa án mở lại phiên tòa, dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ anh Nguyễn Công H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Nguyễn Công H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh xét thấy chị Trương Thị H kết hôn với anh Nguyễn Công H1 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 11/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã H) cấp cho chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 đã được chị Trương Thị H giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời khai của các bên đương sự và kết quả xác minh xét thấy trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 trình bày anh H1 không đồng ý ly hôn với chị H vì xét thấy vợ chồng còn có thể hàn gắn được nhưng không đưa ra bất kỳ biện pháp gì để khắc phục tình trạng hôn nhân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công H1.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị H và Nguyễn Công H1 đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân hai người có với nhau ba con chung: Cháu thứ nhất là Nguyễn Anh K1, sinh ngày: 02/5/2010; cháu thứ hai là Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày: 28/4/2013; cháu thứ ba là Nguyễn Minh K, sinh ngày: 13/4/2017.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị H ly thân với anh H1, cháu Nguyễn Thị Thảo N và cháu Nguyễn Minh K đều được chị Trương Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, học hành tốt. Đồng thời cháu Nguyễn Thị Thảo N (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trương Thị H và các bên đương sự đều thống nhất giao hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ngoài ra, chị H là người có nhân thân tốt, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đủ để lo cho các con có cuộc sống lành mạnh, phát triển toàn diện về mọi mặt. Bên cạnh đó, đối với cháu Nguyễn Anh K1 (trên 07 tuổi), cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Công H1 và các bên đương sự đều thống nhất về việc giao cháu K1 cho anh H1 trực tiếp nuôi

dưỡng. Quá trình chị H về nhà ngoại ở, cháu K1 cũng được anh H1 lo lắng, chăm sóc, giáo dục tốt và anh H1 cũng là người nhân thân tốt, thu nhập ổn định đủ để nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, nguyện vọng nuôi con của các đương sự và nguyện vọng của con chung là hoàn toàn chính đáng.

Để tiếp tục đảm bảo cuộc sống và tâm lý ổn định cho các con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N và cháu Nguyễn Minh K cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Nguyễn Anh K1 cho anh Nguyễn Công H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở theo quy định tại các Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị Trương Thị H, anh Nguyễn Công H1 không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Công H1.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo Nguyên s ngày: 28/4/2013 và cháu Nguyễn Minh K sinh ngày: 13/4/2017 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Nguyễn Anh K1 sinh ngày: 02/5/2010

cho anh Nguyễn Công H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Công H1 không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Chị Trương Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Trương Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0013229 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Trương Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Chị Trương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/01/2024. Anh Nguyễn Công H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- UBND xã Hòa Lạc;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huy Trọng